

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2026

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rê

Ông Phạm Văn Ven

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2026, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc D tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) ngày 22/7/2019. Sống chung hạnh phúc đến tháng 01/2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông D còn đánh đập bà. Hiện nay tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm chăm sóc nhau.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Phương T1, sinh ngày 20/5/2015 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 24/12/2016, hiện đang sống với bà và ông D. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa không lý do lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quốc D, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông D được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

[3] Bà Đỗ Thị Minh T và ông Nguyễn Quốc D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) ngày 22/7/2019. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận định: bà T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông D ngược đãi bà. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với bà T. Vì vậy, qua lời trình bày của bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Phương T1, sinh ngày 20/5/2015 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 24/12/2016. Xét tuy 02 con chung hiện đang sống với bà T và ông D, nhưng ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện tranh chấp quyền nuôi con chung với bà T, 02 con chung có nguyện vọng sống với bà T. Vì vậy giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8.1] Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

[8.2] Ông D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Minh T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Phương T1, sinh ngày 20/5/2015 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 24/12/2016, hiện đang sống với bà T và ông D. Ông D không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông D có nghĩa vụ giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông D được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà T và ông D có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0002709 ngày 04/02/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái